TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; địa chỉ trụ sở Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, Số E1, đường K1, phường T1, quận K2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Phạm Doãn S, sinh năm 1967; địa chỉ Số E2, Ngõ E3, Tổ E4, phường H1, quận G, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Vắng mặt).

2. Ông Mai Hoàng Đức D1, sinh năm 1978 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 - Vắng mặt).

3. Anh Từ Hồng Xuân H2, sinh năm 1995 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Mai Hoàng Đức D1 (Văn bản ủy quyền số 1210/2023/GUQ-LienVietPostBank.CNVL ngày 27 tháng 7 năm 2023 - Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số E5, đường V2, Phường E6, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn D2, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

2. Bà Cao Kiều M, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử anh Từ Hồng Xuân H2 là người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 trình bày:

Ngày 09/3/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (gọi tắt là Ngân hàng V1) cùng với vợ chồng ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 27/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã T2: Đăng ký theo Nghị định 77/2001/NĐ-CP, hôn nhân có hiệu lực ngày 17/3/2001) ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD85XXX2200036; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0X9/2022/HĐTC/PGDVungLiem được Ủy ban nhân dân xã T2 chứng thực cùng ngày; Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm quyền số: 01, số thứ tự: 263 cùng ngày; đến ngày 10/3/2022 ký kết Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 85XXX2200036/01 với nội dung:

- Ngân hàng V1 đồng ý cho ông D2, bà M vay số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày 11/3/2022 đến ngày 10/3/2026; mục đích sử dụng vốn bổ sung vốn trồng cam; lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay cơ sở cộng biên độ lãi 5,45%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của L.Bank tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm; phương thức trả nợ lãi hàng quý theo dư nợ thực tế được phân thành 16 kỳ, 15 kỳ đầu trả vào ngày 15, kỳ cuối trả vào ngày 10/3/2026; phương thức trả nợ gốc được phân thành 04 kỳ mỗi kỳ 12 tháng, 03 kỳ đầu trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 15, kỳ cuối trả số tiền 270.000.000 đồng vào ngày 10/3/2026; ngoài ra các bên còn thỏa thuận về phương pháp tính lãi, các loại phí cấp tín dụng, thứ tự thu hồi nợ, những trường hợp cơ cấu thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn, bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi bên vay vi phạm.

- Tài sản bảo đảm nghĩa vụ các khoản nợ phải trả theo hợp đồng tín dụng đã ký và các hợp đồng khác (nếu có) là quyền sử dụng đất thửa đất số 3X3, tờ bản đồ số X6, diện tích 4.415,7 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ xã T2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DC 4XXX71, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS1XXX4 ngày 15/12/2021 đứng tên ông D2.

Thực hiện hợp đồng: Ngày 10/3/2022, Ngân hàng V1 giải ngân cho ông D2, bà M nhận số tiền 300.000.000 đồng. Ông D2, bà M trả nợ lãi được 01 kỳ đầu tiên số tiền 8.860.274 đồng, bắt đầu từ kỳ thứ 02 (ngày 15/9/2022) thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài. Mặc dù, Ngân hàng V1 đã nhiều lần áp dụng nhiều biện pháp làm việc nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng ông D2, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi phát sinh trong 03 kỳ liên tiếp và trả nợ gốc kỳ đầu tiên đến hạn. Căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V1 thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với ông D2, bà M mà không áp dụng nghiệp vụ chuyển nợ quá hạn, tính lãi quá hạn do khoản vay chưa đáo hạn. Tuy nhiên, ông D2, bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo Bản kê dư nợ tính đến ngày 14/9/2023, ông D2, bà M nợ Ngân hàng V1 tổng cộng số tiền 346.991.205 đồng (Trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 44.824.930 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.166.275 đồng).

Nay, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông 2, bà M phải có nhiệm trả cho Ngân hàng V1 số tiền nợ vay tính đến ngày 14/9/2023 là 346.991.205 đồng và tiếp tục trả lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 300.000.000 đồng, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

- Trường hợp ông D2, bà M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì buộc ông D2, bà M phải có trách nhiệm giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Trường hợp ông D2, bà M trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng V1 đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp cho ông D2, bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D2, bà M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng

thế chấp tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D2, bà M đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D2, bà M theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ tín dụng cho vay số tiền 300.000.000 đồng, có đảm bảo khoản tiền vay bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng V1 với ông D2, bà M trên cơ sở ký kết: Hợp đồng tín dụng số: HDTD85XXX2200036, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0X9/2022/HĐTC/PGDVungLiem, Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất quyển số: 01, số thứ tự: 263 cùng ngày 09/3/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 85XXX2200036/01 ngày 10/3/2022 là đúng trình tự, thủ tục về hoạt động cho vay, thế chấp tài sản, đăng ký tài sản thế chấp bảo đảm nghĩa vụ, thỏa thuận lãi suất và mức lãi suất chậm trả lãi áp dụng khi cho vay được quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 4, 10, 12, 13, 14, 15, 18, 23, 25, 30, 31 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 292, khoản 1 và khoản 2 Điều 293, các điều 298, 317, 318 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 167, điểm g khoản 1 Điều 179, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, Điều 39, Điều 48, khoản 1 Điều 69 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21 Thông tư số: 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

[2] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D2, bà M vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ lãi trong 03 kỳ liên tiếp và nợ gốc kỳ đầu tiên. Việc Ngân hàng V1 căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: HDTD85XXX2200036 thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, không áp dụng nghiệp vụ chuyển nợ quá hạn, tính lãi quá hạn do khoản vay chưa đáo hạn mà tiếp tục tính lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc, tính lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế chậm trả của từng phân kỳ, khởi kiện yêu cầu ông D2, bà M cùng có trách nhiệm trả nợ vay tính đến ngày 14/9/2023 số tiền 346.991.205 đồng (theo Bản kê dư nợ đã được kiểm tra, đối chiếu) và tiếp tục trả lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 300.000.000 đồng, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD85XXX2200036, Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số:

85XXX2200036/01 tính kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi trả xong nợ; yêu cầu ông D2, bà M phải có trách nhiệm giao tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 019/2022/HĐTC/PGDVungLiem là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3X3, tờ bản đồ số X6, diện tích 4.415,7 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DC 4XXX71, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS1XXX4 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/12/2021 đứng tên ông D2 cho ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp ông D2, bà M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, trường hợp ông D2, bà M trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng V1 đồng ý giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thế chấp cho ông D2, bà M nhận lại là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 299, Điều 301, Điều 302 Bộ luật Dân sự; điểm a và điểm b khoản 4 Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn [1], [2] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án giải quyết:

[1] Ông D2, bà M phải nộp án phí tính tròn số tiền 17.349.560 đồng.

[2] Hoàn trả cho Ngân hàng V1 được nhận lại số tiền 8.318.234 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 299, Điều 301, Điều 302 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a và điểm b khoản 4 Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V1.

1.1. Buộc ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 346.991.205 (Ba trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm lẻ năm) đồng.

1.2. Buộc ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi thực tế chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD85XXX2200036 đã ký ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 85XXX2200036/01 đã ký ngày 10 tháng 3 năm 2022 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 cho đến khi ông D2, bà M trả xong nợ.

1.3. Trường hợp ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ. Buộc ông D2, bà M phải có trách nhiệm giao tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0X9/2022/HĐTC/PGDVungLiem đã ký ngày 09 tháng 3 năm 2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3X3, tờ bản đồ số X6, diện tích 4.415,7 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DC 4XXX71, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS1XXX4 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15 tháng 12 năm 2021 đứng tên ông Phạm Văn D2 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi.

1.4. Trường hợp ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M trả được toàn bộ số nợ. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 phải có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho ông D2, bà M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M phải nộp án phí số tiền 17.349.560 (Mười bảy triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 được nhận lại số tiền 8.318.234 (Tám triệu ba trăm mười tám nghìn hai trăm ba mươi bốn) đồng tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011555 ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Từ Hồng Xuân H2 là người đại diện theo ủy quyền (không có quyền kháng cáo) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần v1. Vắng mặt ông Phạm Doãn S là người đại diện theo pháp luật, ông Mai Hoàng Đức D1 là người đại diện theo ủy quyền (có quyền kháng cáo) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần v1, ông Phạm Văn D2, bà Cao Kiều M. Báo cho ông S, ông D biết có quyền đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần B kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với ông D2, bà M thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD. NĐ + BĐ: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.